

Bản án số: 45/2024/DS-ST

Ngày 02-5-2024

V/v: *Tranh chấp*

“Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trần Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Phú Hiền

2. Ông Hà Danh Vượng

-Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy-Thư ký TAND huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần T- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 268/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2023 về *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-DS ngày 05/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐST-DS ngày 03/4/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Kim B, sinh năm 1983, vắng mặt

Trú tại: Ấp H, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B:

- Ông Nguyễn Hoài L, sinh năm 1998, vắng mặt

Và bà Nguyễn Thị Thảo L1, sinh năm 1994, vắng mặt

Trú tại: Ấp B, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Giấy ủy quyền số 6794, quyển số 12/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/12/2023 của Văn phòng C).

2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng Anh H, sinh năm 1989, vắng mặt.

Trú tại: Ấp D, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/11/2023; bản trình bày ngày 21/12/2023; không tiến hành hòa giải được ngày 21/12/2023, ngày 16/01/2024; đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 02-5-2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị Kim B và đại diện theo ủy quyền của bà B là bà Nguyễn Thị Thảo L1 và ông Nguyễn Hoài L trình bày:

- Ngày 01/10/2019, bà B cho ông Lê Hoàng A H vay số tiền 120.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền bà B và ông H cùng ký. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất không quá 20%/năm, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, khi nào cần lấy tiền thì bà Bích báo trước cho ông H 10 ngày. Ông H đã trả lãi cho bà B từ tháng 10/2019 đến tháng 6/2020 thì ngưng, số tiền lãi đã trả cụ thể bao nhiêu bà B không nhớ. Hiện nay còn nợ số tiền gốc là 120.000.000 đồng.

- Ngày 08/01/2020, bà B cho ông H vay số tiền 350.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng vay tiền công chứng tại Văn phòng C1, lãi suất thỏa thuận miệng không quá 20%/năm, thời hạn trả nợ là 02 năm tính từ ngày 08/01/2020. Ông H đã trả lãi cho bà B từ tháng 01/2020 đến tháng 6/2020 thì ngưng, số tiền lãi đã trả bao nhiêu bà B không nhớ. Hiện nay còn nợ số tiền gốc là 350.000.000 đồng.

Đại diện ủy quyền của bà B là ông L và bà L1 yêu cầu ông H trả số tiền gốc là 470.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn ông Lê Hoàng Anh H được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ gốc cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Bùi Thị Kim B khởi kiện yêu cầu ông Lê Hoàng Anh H trả nợ nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Ông H có nơi cư trú tại xã H, huyện X nên vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về xét xử vắng mặt:* Ông Nguyễn Hoài L và bà Nguyễn Thị Thảo L1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị Kim B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 02/5/2024; ông Lê Hoàng Anh H được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các ông bà theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Xét thấy, ông H là bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không đến, như vậy ông từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và trong quá trình Tòa án thu thập để xem xét giải quyết.

[2.2] Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 02/5/2024 người đại diện theo ủy quyền của bà B là bà T1 và ông L rút yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay 120.000.000 đồng ngày 01/10/2019 và số tiền vay 350.000.000 đồng ngày 08/01/2020 nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

[3] Đối với yêu cầu của bà Bùi Thị Kim B yêu cầu ông Lê Hoàng A H trả số tiền gốc 350.000.000 đồng.

[3.1] Xét thấy, Hợp đồng vay tiền giữa bên cho vay bà Bùi Thị Kim B và bên vay là ông Lê Hoàng Anh H, số tiền vay là 350.000.000 đồng, thời hạn vay 02 năm, lãi suất vay theo thỏa thuận nhưng không vượt quá lãi suất quy định của pháp luật, hợp đồng được Công chứng tại Văn phòng C1 ngày 08/01/2020 (Số công chứng 10, quyền số 01/2020-TP/CC-SCC/HĐGD). Hợp đồng này về hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Đến nay, không có chứng cứ xác định ông H đã trả số tiền gốc cho bà B.

[3.2] Nay đại diện theo ủy quyền của bà B yêu cầu ông H trả số tiền gốc 350.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận, buộc ông H trả cho bà B số tiền gốc là 350.000.000 đồng.

[4] Đối với yêu cầu của bà Bùi Thị Kim B yêu cầu ông Lê Hoàng A H trả số tiền gốc 120.000.000 đồng.

[4.1] Xét thấy, đối chiếu chữ ký, chữ viết người vay Lê Hoàng A H tại “Giấy vay tiền” ngày 01/10/2019 và chữ ký trang 1, chữ ký, chữ viết bên vay Lê Hoàng Anh H, trang 2 tại hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2020 được công chứng tại Văn phòng C1 là giống nhau, do đó có đủ cơ sở xác định ngày 01/10/2019 ông H có vay của bà B số tiền 120.000.000 đồng, không thời hạn. Đến nay, không có chứng cứ xác định ông H trả số tiền gốc trên cho bà B.

[4.2] Nay đại diện của bà B yêu cầu ông H trả số tiền gốc là 120.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận, buộc ông H phải trả cho bà B số tiền gốc 120.000.000 đồng.

[5] *Về phát biểu của Kiểm sát viên:* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn trả số tiền gốc trên cho nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”. Mức án phí quy định (*từ trên 400.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng, mức thu án phí là 20.000.000 đồng + 4% phần giá trị tài sản vượt quá 400.000.000 đồng*). Do đó, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.800.000 đồng (20.000.000 đồng + 70.000.000 đồng x 4%).

[7] Bà B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà B.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468; Điều 469 khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Kim B đối với ông Lê Hoàng Anh H về việc yêu cầu trả lãi.
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Kim B về việc yêu cầu ông Lê Hoàng Anh H trả nợ gốc.
3. Buộc ông Lê Hoàng Anh H có nghĩa vụ trả nợ gốc cho bà Bùi Thị Kim B với số tiền là 470.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Hoàng Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.800.000đ (Hai mươi hai triệu, tám trăm ngàn đồng); bà Bùi Thị Kim B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại bà Bùi Thị Kim B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.400.000đ (Mười một triệu, bốn trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng số 0002535 ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND h.Xuyên Mộc;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Chi Cục THADS H.Xuyên Mộc;
- Lưu hồ sơ, VT;

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trần Hiến